

## TRÍCH YẾU LUẬN ÁN

Họ tên nghiên cứu sinh: Lê Thị Mai Hoa

Tên đề tài luận án: “*Đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của con lai giữa vịt Biền 15 - Đại Xuyên, vịt Trời và vịt Star 53*”

Ngành: Chăn nuôi; Mã số: 9 62 01 05

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Nguyễn Văn Duy

2. PGS. TS. Hoàng Văn Tiệu

Tên cơ sở đào tạo: Viện Chăn Nuôi

### **Mục đích và đối tượng nghiên cứu:**

#### *Mục đích nghiên cứu*

Xác định được tổ hợp lai có năng suất và chất lượng phù hợp cho chăn nuôi vịt thích ứng với biến đổi khí hậu.

#### *Đối tượng nghiên cứu*

Vịt Biền 15 - Đại Xuyên (kí hiệu là B), vịt Trời (kí hiệu là T), vịt Star 53 (kí hiệu là S) và con lai (BT, TB, SBT, STB).

### **Các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng**

- Phương pháp thường quy: dùng trong mô tả, cân, đo các chỉ tiêu
- Phương pháp phân lô so sánh: thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên theo các lô, so sánh các yếu tố thí nghiệm để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố thí nghiệm đến kết quả nghiên cứu.
- Phương pháp theo dõi các chỉ tiêu: các chỉ tiêu về sinh trưởng, sinh sản theo hướng dẫn của Bùi Hữu Đoàn và cs. (2011).
- Phương pháp chăm sóc nuôi dưỡng trên đàn vịt sinh sản và thương phẩm theo quy trình chăn nuôi của trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên
- Phương pháp xử lý số liệu: Đối với tất cả các chỉ tiêu theo dõi được, tính các tham số thống kê (dung lượng mẫu, giá trị trung bình, sai số tiêu chuẩn) bằng phần mềm Excel 2016, Minitab 19.

### **Các kết quả chính và kết luận**

#### *1/ Đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của vịt lai hai giống BT và TB*

Đặc điểm ngoại hình: vịt lai BT có màu lông cánh sẫm đậm, đầu lông cánh màu xanh đen một số con có hàng lông màu đen đậm chạy dọc từ 2 mắt lên phía trên cổ thiên về vịt Trời trong khi vịt lai TB thì màu lông cánh sẫm nhạt màu hơn vịt lai BT, có con có khoang trắng, lông cánh màu xanh đen một số con có hàng lông màu đen đậm chạy dọc từ 2 mắt lên phía trên cổ thiên về màu lông của vịt Biền 15 - Đại Xuyên.

Khả năng sản xuất của vịt lai hai giống BT và TB đều vượt bố mẹ với ưu thế lai siêu trội về khả năng sinh sản: tỷ lệ nuôi sống đến 20 tuần tuổi đạt 96,80 - 96,93%, tuổi đẻ ở 20-21 tuần tuổi, khối lượng vào đẻ là 1628,90 - 1662,90 g/vịt mái; 1701-1727 g/vịt trống; năng suất trứng đạt 266,87 - 275,22 quả/mái/52 tuần đẻ, tiêu tốn hết 2,20 - 2,28 kg thức ăn/10 quả trứng, khối lượng trứng là 70,94 - 71,61 g/quả với các chỉ tiêu về chất lượng trứng đều đạt cao và nằm trong khoảng tiêu chuẩn trứng giống. Các chỉ tiêu về ấp nở trứng đạt cao.

### *2/ Đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của vịt lai ba giống SBT và STB*

Màu lông của vịt lai SBT, STB có 4 nhóm chính: màu lông đen loang trắng hoặc loang trắng đen, nâu đốm trắng, màu lông cánh sè, màu lông đen toàn thân, màu lông trắng tuyền; thân hình trung gian giữa vịt chuyên thịt và vịt chuyên trứng; mỏ và chân có màu vàng đậm, có con màu xám đen hoặc xám vàng.

Vịt SBT, STB có tỷ lệ nuôi sống đến 10 tuần tuổi đạt cao tương ứng 99 và 98% với ưu thế lai 1,54 và 1,03%, khối lượng cơ thể đạt 2746,3g và 2789g với ưu thế lai 0,41% và 0,37%; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể là 2,69 kg; tỷ lệ thịt xẻ đạt 71,91% và 71,55%; tỷ lệ thịt lườn đạt 18,43% và 18,54%; tỷ lệ thịt đùi đạt 10,56% và 11,47% với tỷ lệ mỡ bụng thấp là 1,67% và 1,30%. Các chỉ tiêu phân tích thịt nằm trong ngưỡng cho phép, độ dai phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Việt Nam.

### *3/ Đánh giá khả năng sản xuất của vịt BT và SBT trong điều kiện sản xuất*

Vịt BT, SBT nuôi trong điều kiện sản xuất tại 3 tỉnh Thái Bình, Quảng Ngãi, Quảng Ninh đạt kết quả cao: vịt BT có khối lượng khối lượng vào đẻ đạt 1567,07 - 1630,63 g/mái, tuổi đẻ 19-20 tuần tuổi, năng suất trứng 270,73 - 279,57 quả/mái/52 tuần đẻ tiêu tốn hết 2,16-2,24 kg thức ăn/10 trứng, khối lượng trứng 70,22 - 70,56g, hạch toán hiệu quả kinh tế sơ bộ thu lãi/mái 184.765 - 220.911 đồng; vịt SBT có tỷ lệ nuôi sống đạt cao 95,33-98,67%, khối lượng cơ thể xuất bán (8 tuần tuổi) là 2,48-2,55 kg, tiêu tốn hết 2,30-2,34 kg thức ăn/kg tăng khối lượng cơ thể, thu lãi/con/8 tuần tuổi là 21.147-24.639 đồng.

### **Ý KIẾN CỦA TẬP THỂ NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**Người hướng dẫn 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Người hướng dẫn 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Nghiên cứu sinh**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**TS. Nguyễn Văn Duy**

**PGS. TS. Hoàng Văn Tiệu**

**Lê Thị Mai Hoa**